

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CÂY THỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /QĐ-UBND

Cây Thị, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 xã Cây Thị

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đồng Hỷ năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 kỳ họp thứ Bảy của Hội đồng nhân dân xã Cây Thị khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026, về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Theo đề nghị của văn phòng UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Cây Thị như sau: (Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, Trưởng xóm các xóm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thực hiện kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 được giao.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, các tổ chức, cá nhân liên quan, Trưởng xóm các xóm có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

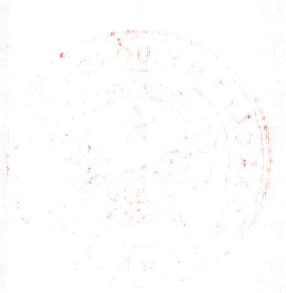
- UBND huyện (b.cáo);
- Đảng ủy (b.cáo);
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UB MTTQ, các đoàn thể xã;
- Cán bộ, CC, VC, không CT UBND xã
- Các xóm;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu VP UBND.


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Minh Thư

Handwritten text in the upper right corner, possibly a date or reference number.





TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ			
1	Sản xuất nông, lâm nghiệp			
1.1	<i>Giá trị SP trên 01 Ha đất nông nghiệp, trồng trọt</i>	Triệu đồng	110	
1.2	<i>Diện tích, Sl một số cây trồng vật nuôi chủ yếu</i>			
a	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	1.510	
	+Sản lượng thóc	Tấn	1.321	
	+Sản lượng Ngô	Tấn	189	
b	Sản lượng rau các loại	Tấn	522	
c	Sản lượng cây công nghiệp	Tấn		
	-Sản lượng chè búp tươi	Tấn	1.661	
d	Diện tích một số cây trồng chủ yếu			
	-Diện tích trồng lúa	Ha	236	
	-Diện tích trồng ngô	Ha	40	
	-Diện tích trồng chè			
	+Diện tích trồng chè lại	Ha	2	
	+Diện tích chè kinh doanh	Ha	138,7	
e	Chăn nuôi			
	-Tổng đàn gia súc, gia cầm			
	+Tổng đàn trâu bò	Con	370	
	+Tổng đàn lợn	Con	2.050	
	+Tổng đàn gia cầm	Con	43.000	

	-Tiêm phòng gia súc			
	+Long móng lở mồm	Con	480	
	+Tụ huyết trùng trâu, bò	Con	280	
	+Viêm da nổi cục	Con	280	
	+Dịch tả lợn	Con	1000	
	+Tụ huyết trùng lợn	Con	1000	
	+Tiêm đại chó	Con	600	
1.2	Lâm nghiệp			
	Trồng rừng tập trung	Ha	100	
2.	Thu - chi ngân sách			
	Thu ngân sách trong cân đối	Triệu đồng	391	
B	CHỈ TIÊU XÃ HỘI -MÔI TRƯỜNG			
1	Giáo dục			
	-Giữ vững phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi	Trường	Mầm Non	
	-Duy trì Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 (Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.	Trường	Tiểu học	
	-Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia	%	3	
2	Y tế			
	-Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	11	
	-Duy trì trạm đạt chuẩn quốc gia về y tế	Trạm	1	
3	Văn hóa			
	-Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	91	

	-Tỷ lệ xóm đạt văn hóa	%	100	
	-Tỷ lệ cơ quan đạt văn hóa	%	100	
4	Xã hội			
	-Tỷ lệ qua đào tạo	%	70	
	Trong đó có văn bằng, chứng chỉ:	%	29,5	
	-Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2	
	-Số người tham gia bảo hiểm y tế	%	100	
5	Môi trường			
	-Tỷ lệ che phủ rừng	%	55	
	-Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	97	
C	XÂY DỰNG			
	-Xây dựng đường bê tông xóm Suối Găng	Km	1	
	-Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm Khe Cạn	Nhà	1	

